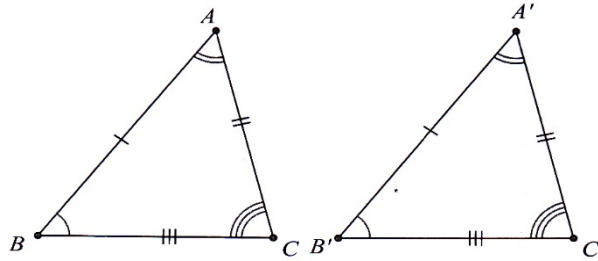


CHỦ ĐỀ 2. HAI TAM GIÁC BẰNG NHAU

I. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

Định nghĩa: Hai tam giác bằng nhau là hai tam giác có các cạnh tương ứng bằng nhau và các góc tương ứng bằng nhau.



$$= \triangle ABC = \triangle A'B'C' \Leftrightarrow \begin{cases} \angle A = \angle A'; \angle B = \angle B'; \angle C = \angle C' \\ AB = A'B'; AC = A'C'; BC = B'C' \end{cases}$$

II. BÀI TẬP VÀ CÁC DẠNG TOÁN

Dạng 1. Từ hai tam giác bằng nhau, xác định các cạnh bằng nhau, các góc bằng nhau. Tính độ dài các đoạn thẳng các số đo góc.

Phương pháp giải: Dựa vào quy ước viết các đỉnh tương ứng của hai tam giác bằng nhau theo đúng thứ tự, ta viết được các góc bằng nhau, các cạnh bằng nhau.

1A. Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$, $\angle A = 60^\circ$, $\angle P = 35^\circ$

- Tìm các cạnh tương ứng bằng nhau.
- Tính các góc còn lại của hai tam giác.

1B. Cho $\triangle ABC = \triangle DEF$, $\angle B = 20^\circ$, $\angle F = 75^\circ$

- Tìm các cạnh tương ứng bằng nhau, các góc tương ứng bằng nhau.
- Tính các góc còn lại của hai tam giác.

2A. Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$, $AB = 6 \text{ cm}$, $BC = 8 \text{ cm}$, $MP = 10 \text{ cm}$.

Tính chu vi của mỗi tam giác trên

2B. Cho $\triangle ABC = \triangle DEF$, $AB = 7 \text{ cm}$, $BC = 5 \text{ cm}$, $DF = 6 \text{ cm}$.

- Tính các cạnh còn lại của mỗi tam giác.
- Tính chu vi của mỗi tam giác trên.

Dạng 2. Viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác.

Phương pháp giải: Viết ba đỉnh của tam giác thứ nhất, rồi lần lượt đến các đỉnh tương ứng của tam giác thứ hai.

1. Đường tuy gần không đi sẽ không đến - Việc tuy nhỏ không làm sẽ không nên

3A. Cho hai tam giác bằng nhau: tam giác ABC (không có hai cạnh hoặc góc nào bằng nhau) và một tam giác có ba đỉnh, là M, N, P. Viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác đó, biết rằng:

$$AB = MN, \angle A = \angle M$$

3B. Cho hai tam giác bằng nhau: tam giác DEF (không có hai cạnh hoặc hai góc nào bằng nhau) và một tam giác có ba đỉnh là G, H, K. Viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác đó, biết rằng:

$$\text{a) } EF = GH, ED = GK. \quad \text{b) } \angle F = \angle G, \angle D = \angle H$$

II. BÀI TẬP VỀ NHÀ

4. Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$, $\angle A = 80^\circ, \angle P = 45^\circ$. Tính các góc còn lại của hai tam. giác.

5. Cho $\triangle PQR = \triangle DEF$, $PQ = 12\text{cm}$, $QR = 13\text{cm}$, $DF = 15\text{cm}$.

a) Tính các cạnh còn lại của mỗi tam giác.

b) Tính chu vi của mỗi tam giác trên.

6. Cho hai tam giác bằng nhau: tam giác ABC (không có hai góc nào hoặc hai cạnh nào bằng nhau) và một tam giác có ba đỉnh là I, J, K. Viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác đó, biết rằng:

$$\text{a) } AB = JI, \angle C = \angle K \quad \text{b) } AB = IK, AC = IJ.$$

$$\text{c) } \angle A = \angle K, \angle B = \angle J$$

HƯỚNG DẪN

1A.a) $AB = MN, AC = MP, BC = NP$.

$$\text{b) } \angle A = \angle M = 60^\circ; \angle C = \angle P = 35^\circ; \angle B = \angle N = 85^\circ$$

1B. Tương tự **1A**.

2A. $AB = MN = 6\text{cm}; BC = NP = 8\text{cm}; AC = MP = 10\text{cm}$

$$C_{\triangle ABC} = C_{\triangle MNP} = 6 + 8 + 10 = 24\text{cm}$$

2B. Tương tự **2A**.

3A. $\triangle ABC = \triangle MNP$.

3B. a) $\triangle DEF = \triangle KGH$

b) $\triangle DEF = \triangle HKG$.

2.Đường tuy gần không đi sẽ không đến-Việc tuy nhỏ không làm sẽ không nên

4. $\hat{A} = \hat{M} = 80^\circ; \hat{P} = \hat{C} = 45^\circ; \hat{B} = \hat{N} = 55^\circ$

5. Tương tự 2A. HS tự giải.

6. a) $\triangle ABC = \triangle JIK$; b) $\triangle ABC = \triangle IKJ$; c) $\triangle ABC = \triangle AKJI$

.....
